

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TRANSIMEX LOGISTICS**

Số: 01/2025/BCTN-TOT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 4 năm 2025

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**

Kính gửi : - Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- 1.1 Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS
- 1.2 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0307821849 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 18/03/2009 đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 18/12/2024
- 1.3 Vốn điều lệ: 92.078.420.000 đồng.
- 1.4 Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 92.078.420.000 đồng.
- 1.5 Địa chỉ: Tầng 2 - Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, 82 Trần Huy Liệu, phường 15, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- 1.6 Số điện thoại: (028) 3729 73 73 - Số fax:
- 1.7 Website: www.transimextrans.com.vn
- 1.8 Mã cổ phiếu: TOT
- 1.9 Quá trình hình thành và phát triển:
- Tháng 03 năm 2009 : Thành lập Công ty TNHH MTV Vận tải Giao nhận Ngoại thương và được chuyển đổi sang loại hình Công ty cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Vận tải Transimex.
 - Tháng 06 năm 2017 : Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (nay là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Chứng khoán số 132/2017/GCNCP-VSD, với tổng số lượng cổ phiếu đăng ký là 5.495.000 cổ phiếu.
 - Tháng 07 năm 2017 : Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Vận tải Transimex chính thức được giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (UpCom) căn cứ theo Quyết định số 503/QĐ SGDHN ngày 06/07/2017 với tổng số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch là 5.495.000 cổ phiếu.
 - Tháng 01 năm 2022 : Công ty hủy đăng ký giao dịch trên UpCoM để chuyển sang niêm yết tại sàn HNX.
 - Tháng 6 năm 2022 : Công ty Cổ phần Vận tải Transimex đổi tên thành Công ty Cổ phần Transimex Logistics.
 - Năm 2024 : Công ty chuyển địa chỉ trụ sở chính về tại Tầng 2 - Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, 82 Trần Huy Liệu, phường 15, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

2.1 Ngành nghề kinh doanh: Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường biển và đường thủy nội địa; bốc xếp hàng hóa; lưu trữ hàng hóa và dịch vụ đóng gói.

2.2 Địa bàn kinh doanh:

Công ty cung cấp các dịch vụ logistics tổng thể từ vận tải nội địa và phân phối, kho bãi, dịch vụ hải quan và giao nhận. Các tiêu chuẩn quốc tế cùng kiến thức chuyên ngành sâu rộng được kết hợp hoàn hảo cho những giải pháp tối ưu giúp đẩy mạnh tính hiệu quả và đón đầu các nhu cầu thị trường cho phép chúng tôi vận chuyển hàng hóa đến bất cứ nơi nào trên thế giới.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1 Mô hình quản trị:

Công ty là công ty cổ phần tổ chức theo mô hình quản trị bao gồm:

- Đại hội đồng Cổ đông.
- Hội đồng quản trị.
- Ban kiểm soát.
- Giám đốc.

3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý:



3.3 Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Định hướng phát triển:

4.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Thực hiện chiến lược phát triển bền vững và tập trung vào ngành nghề cốt lõi của Công ty thông qua các mục tiêu cụ thể như sau:

- Tăng cường công tác Marketing, quảng bá thương hiệu Công ty. Giữ vững và tăng thị phần từ các khách hàng truyền thống và tìm kiếm nguồn khách hàng mới.
- Đầu tư thêm phương tiện vận chuyển để phục vụ cho khách hàng hiện hữu, khách hàng mới và mở rộng thị trường.
- Nâng cao tay nghề cho đội ngũ kỹ thuật, thực hiện chế độ bảo trì bảo dưỡng đúng định kỳ cho phương tiện, giảm chi phí sửa chữa để tăng lợi nhuận.
- Áp dụng công nghệ thông tin và phần mềm vào trong điều hành và quản lý vận tải.
- Duy trì và phát triển đa dạng hóa thêm các dịch vụ Logistics, nhằm tạo thêm nguồn khách hàng mới, doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.
- Thực hiện tốt công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Công ty.
- Thực hiện các trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường gắn liền với tăng trưởng kinh tế bền vững.

- Tăng cường các chương trình huấn luyện định kỳ trong các tháng của năm, nâng cao kiến thức cho việc thực hiện các dịch vụ cho khách hàng, lái xe an toàn của toàn thể tài xế, nhân viên để giảm thiểu ở mức thấp nhất các tai nạn có thể xảy ra trên đường, các sai sót trong công việc dịch vụ hàng ngày, giảm thiểu việc sửa chữa hư hỏng thiết bị xe trong thời suốt gian sử dụng bằng cách lên lịch bảo dưỡng định kỳ đúng thời hạn cho mỗi xe.

4.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Với hơn 40 năm trong lĩnh vực giao nhận vận tải, hiện nay, Công ty là một trong những nhà cung cấp 3PLs lớn nhất cung cấp dịch vụ vận tải đường bộ (trucking) tại Việt Nam.
- Công ty luôn nỗ lực bảo đảm hàng hoá của khách hàng luôn được bảo quản hoàn toàn cẩn thận. Là một trong số ít các doanh nghiệp logistics nằm trong top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn Việt Nam, Công ty lấy lợi ích khách hàng làm nền tảng cho sự tồn tại và phát triển của công ty, cam kết sẽ luôn mang đến cho khách hàng dịch vụ vận chuyển an toàn, nhanh chóng với giá cả cạnh tranh.
- Sứ mệnh: Nỗ lực cải tiến không ngừng nhằm mục tiêu cung cấp cho khách hàng dịch vụ logistics tổng thể, chuyên nghiệp và hiệu quả nhất.
- Cam kết: Xây dựng hình ảnh thương hiệu là một doanh nghiệp Logistics thân thiện và gần gũi với khách hàng cùng với phương châm lấy lợi ích khách hàng làm nền tảng cho sự tồn tại và phát triển của công ty.

4.3 Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

a) Mục tiêu đối với môi trường

Công ty luôn cố gắng tối ưu hóa chi phí bằng cách kiểm soát chặt chẽ nguyên nhiên liệu đầu vào, đầu ra và đảm bảo sử dụng máy móc chuyên dụng phù hợp, đúng mục đích trong hoạt động kinh doanh nhằm giảm tác động đến môi trường xung quanh, hạn chế các tác động gây nên hiệu ứng nhà kính, từ đó đưa Công ty phát triển theo hướng bền vững. Bên cạnh đó, định hướng trong tương lai Công ty sẽ sử dụng các máy móc, thiết bị tiết kiệm nhiên liệu và sử dụng nguồn năng lượng thân thiện với môi trường xung quanh, hướng ứng đến mục tiêu Net zero vào năm 2050 của Chính Phủ.

b) Mục tiêu đối với người lao động, xã hội và cộng đồng

- Ban điều hành Công ty và Công đoàn cơ sở đã thực hiện tốt chế độ chính sách cho người lao động, như đóng BHXH, BHYT, BHTN, trả lương cho người lao động đúng chế độ chính sách, phù hợp với hiệu quả sản xuất kinh doanh, bảo đảm thu nhập ổn định cho tất cả nhân viên, người lao động.
- Công ty luôn cố gắng hạn chế những hao phí không cần thiết trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời luôn khuyến khích tinh thần tự giác chấp hành nghiêm chỉnh về “Thực hành tiết kiệm nhiên liệu, điện, nước, điện thoại.... tiết kiệm chi phí làm hàng” chống lãng phí, tham nhũng của toàn bộ công nhân viên trong Công ty.
- Thực hiện tinh thần trách nhiệm của Công ty, cán bộ nhân viên đối với cộng đồng bằng những hành động đền ơn - đáp nghĩa, hoạt động xã hội nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của mỗi người đối với cộng đồng, xã hội.
- Đảm bảo đời sống vật chất tinh thần của toàn thể nhân viên, người lao động trong Công ty. Thường xuyên tổ chức đi du lịch, vui chơi, nghỉ mát hàng năm nhằm tái tạo năng lượng.

5. Các rủi ro:

5.1 Rủi ro kinh tế

Rủi ro kinh tế là những thay đổi của nền kinh tế và các chính sách liên quan, thể hiện qua các

chỉ tiêu kinh tế như: Tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất, tỷ giá,...; nó tác động đến các ngành nghề kinh doanh, hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp và Công ty cũng không ngoại lệ.

a) Tốc độ tăng trưởng kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế có vai trò quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng đa số các ngành nghề kinh doanh, lĩnh vực trong toàn nền kinh tế. Do đó, khi nền kinh tế không tăng trưởng hoặc suy thoái sẽ có tác động sâu rộng đến các doanh nghiệp đang hoạt động trên thị trường. Công ty hoạt động kinh doanh chủ yếu trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ vận tải, logistics; lĩnh vực này vô cùng nhạy cảm với tốc độ tăng trưởng kinh tế chung; Vì vậy rủi ro tăng trưởng kinh tế sẽ có tác động lớn đến hoạt động kinh doanh, các mục tiêu phát triển của Công ty.
- Năm qua, kinh tế toàn cầu tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức khi các quốc gia lớn cạnh tranh chiến lược ngày càng gay gắt, sâu rộng hơn; xung đột Nga – Ukraine trở nên phức tạp hơn, chiến tranh ở khu vực Trung Đông đã tác động vào quá trình phục hồi kinh tế trên toàn thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Các đối tác thương mại lớn của Việt Nam tăng trưởng chậm lại, nợ công gia tăng, nhiều rủi ro tiềm ẩn, tổng cầu thế giới suy giảm, tác động trực tiếp tới các quốc gia có độ mở kinh tế lớn, trong đó có nước ta.

b) Lạm phát và lãi suất

- Năm 2024, xung đột quân sự, biến động chính trị, bất ổn tiếp tục leo thang tại một số nước; kinh tế, thương mại toàn cầu phục hồi chậm, thiếu vững chắc; tổng cầu, đầu tư sụt giảm; tỷ giá, lãi suất biến động khó lường. Thiên tai, hạn hán, bão lũ, biến đổi khí hậu ngày càng nghiêm trọng, tác động nặng nề tới phát triển kinh tế – xã hội và đời sống của người dân.
- Trong nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chủ động, quyết liệt, sát sao chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương triển khai nhiều giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy tăng trưởng, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát như: Đảm bảo thông suốt hoạt động cung ứng, lưu thông, phân phối hàng hóa, dịch vụ; giảm mặt bằng lãi suất cho vay, ổn định thị trường ngoại hối; thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công; triển khai các gói tín dụng hỗ trợ các ngành, lĩnh vực; giảm thuế giá trị gia tăng đối với một số nhóm hàng hóa và dịch vụ; giảm thuế bảo vệ môi trường đối với xăng dầu; miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, tiền sử dụng đất để hỗ trợ doanh nghiệp và người dân; tổ chức, theo dõi sát diễn biến cung cầu, giá cả thị trường các mặt hàng thiết yếu để có biện pháp điều hành phù hợp. Theo đó, giá hàng hóa và dịch vụ trên thị trường nhìn chung không có biến động bất thường, lạm phát trong tầm kiểm soát.
- Hoạt động kinh doanh dịch vụ vận tải, logistics của Công ty chịu rủi ro từ lạm phát kể cả nhiên liệu đầu vào cho đến nhu cầu dịch vụ đầu ra. Năm qua, lạm phát nước ta đã được kiểm soát nhưng vẫn ở mức cao, tuy nhiên không ảnh hưởng quá lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Nhằm hạn chế những rủi ro lãi suất có thể gây ra, Ban lãnh đạo Công ty luôn theo dõi sát sao diễn biến xu hướng lãi suất để linh hoạt ra các quyết định, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp, ngoài ra còn đảm bảo duy trì mức cơ cấu vốn hợp lý.

5.2 Rủi ro pháp luật

- Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu tác động bởi hệ thống pháp luật Việt Nam và những bộ luật có liên quan như Luật Doanh nghiệp, Luật Thương mại, Luật Kế toán, các Luật thuế và các Nghị định, Thông tư và các Luật văn bản liên quan đến hoạt động vận tải, logistics. Bên cạnh đó, Công ty hiện đang niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) nên còn chịu ảnh hưởng của Luật Chứng khoán và các Nghị định, thông tư về thị trường chứng khoán.
- Nhằm phù hợp với quá trình hội nhập và phát triển của đất nước nên nhiều văn bản pháp luật của nước ta thường xuyên phải điều chỉnh, sửa đổi và bổ sung. Do đó, Công ty luôn chủ động

cập nhật những thay đổi trong các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước và quốc tế, đồng thời hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong toàn Công ty để giảm thiểu những rủi ro không đáng có.

5.3 Rủi ro giá nhiên liệu

- Công ty chủ yếu cung cấp dịch vụ vận tải, logistics cho nên khi có sự biến động trong giá xăng, dầu sẽ gây sức ép lên chi phí nguyên, nhiên liệu từ đó làm giảm lợi nhuận của Công ty. Trong năm 2024, xung đột quân sự giữa Nga-Ukraina, bất ổn ở khu vực Trung Đông diễn biến phức tạp đã khiến cho giá dầu biến động.
- Trước tình hình đó, để giảm thiểu rủi ro giá tăng giá nguyên nhiên liệu đầu vào, Ban Lãnh đạo Công ty thường xuyên theo dõi sự biến động của giá và nhu cầu nhiên liệu sử dụng để có kế hoạch mua thích hợp và có thể điều chỉnh giá dịch vụ đầu ra một cách tương ứng và phù hợp với thị trường.

5.4 Rủi ro cạnh tranh

- Việt Nam là một quốc gia có độ mở nền kinh tế cao khi hoạt động toàn cầu hóa, khu vực hóa của nước ta diễn ra ngày càng sâu rộng; đặt nước ta trước cơ hội phát triển và cả những thách thức về kinh tế, đặc biệt là sự cạnh tranh trong nước ngày một khốc liệt hơn. Công ty cổ phần Transimex Logistics đang đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt trong lĩnh vực hoạt động vận tải, logistics. Nhiều đối thủ cạnh tranh với quy mô vốn lớn, trình độ công nghệ cao và kinh nghiệm hoạt động, đặc biệt là các công ty nước ngoài với tiềm lực tài chính mạnh mẽ và năng lực phát triển khoa học kỹ thuật cao. Điều này đặt áp lực cạnh tranh về giá cả và chất lượng dịch vụ lên các doanh nghiệp logistics của Việt Nam, bao gồm cả Công ty.
- Đứng trước thách thức về cạnh tranh này, Công ty phải tập trung vào cải thiện chất lượng dịch vụ và tăng cường năng lực cạnh tranh của mình về mặt chất lượng dịch vụ lẫn giá cả. Công ty tích cực nghiên cứu liên tục và áp dụng những công nghệ mới để tối ưu hóa hoạt động kinh doanh, cung cấp dịch vụ; nâng cao hiệu quả vận chuyển và giảm chi phí nguồn lực. Đồng thời, Công ty cũng cần phát triển mối quan hệ với các đối tác, cung cấp dịch vụ chất lượng cao và giá cả hợp lý để đáp ứng nhu cầu của khách hàng cũ và thu hút sự quan tâm của khách hàng tiềm năng. Công ty tăng cường tiếp cận thị trường, tìm kiếm cơ hội mới và mở rộng phạm vi hoạt động để có thể cạnh tranh một cách hiệu quả trên thị trường quốc tế lân cận như: Lào, Campuchia, Trung Quốc,...

5.5 Rủi ro nguồn nhân lực

- Công ty hoạt động trong ngành dịch vụ vận tải, logistics tổng thể, đây là lĩnh vực kinh doanh đặc thù đòi hỏi nguồn lao động có trình độ chuyên môn cao và chuyên biệt. Theo Hiệp hội doanh nghiệp dịch vụ Logistics Việt Nam (VLA), ngoài khó khăn về nguồn vốn, doanh nghiệp logistics Việt Nam đang phải đối mặt với tình trạng thiếu đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, lao động được đào tạo bài bản trong lĩnh vực dịch vụ logistics.
- Trước tình hình đó, Ban lãnh đạo Công ty luôn chú trọng trong vấn đề về an toàn lao động, quan tâm đến quyền lợi của nhân viên, có chiến lược đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ tay nghề cao, trả lương công bằng theo đúng năng lực nhằm khuyến khích người lao động phát huy hết tiềm năng trong công việc, góp phần gia tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh. Từ đó, đưa Công ty phát triển bền vững với đội ngũ nguồn nhân lực có chuyên môn cao và thái độ tốt.

5.6 Rủi ro môi trường

- Công ty hoạt động kinh doanh cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực vận tải, logistics; cho nên trong quá trình hoạt động sẽ gây ảnh hưởng đến môi trường, đặc biệt là môi trường không khí. Vì vậy trong quá trình cung cấp dịch vụ, Công ty luôn tuân thủ các chính sách, quy định về bảo vệ môi trường, đầu tư lựa chọn các phương tiện vận tải tiết kiệm nhiên liệu và thân thiện với môi trường, đồng thời thanh lý xử lý các phương tiện vận tải đã hết thời gian sử dụng.

- Hưởng ứng cam kết của Việt Nam tại COP 26 về trung hòa carbon, Công ty sẽ cố gắng tối ưu hóa việc sử dụng nhiên liệu trong quá trình cung cấp dịch vụ và tiết kiệm năng lượng như điện, nước tại văn phòng. Từ đó, đưa hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát triển một cách bền vững.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Triệu Đồng

	Năm 2023	Năm 2024
Doanh thu thuần	248.429	255.130
Giá vốn cung cấp dịch vụ	194.550	203.422
Lợi nhuận gộp từ cung cấp dịch vụ	53.879	51.707
Lợi nhuận sau thuế	22.146	23.125

Trong năm 2024, doanh thu thuần của Công ty tăng so với năm 2023, cụ thể tăng 2,7% tương ứng từ 248.429 triệu đồng lên 255.130 triệu đồng. Lợi nhuận gộp năm 2024 đạt 95,97% so với năm 2023 do giá vốn tăng 4,56% tương ứng từ 194.550 triệu đồng lên 203.422 triệu đồng.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng 4,42% tương ứng từ 22.146 triệu đồng lên 23.125 triệu đồng.

1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Thực hiện 2023	% Thực hiện 2024 so với	
				Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2023
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	300.191	255.130	248.429	84,99%	102,70%
Lợi nhuận trước thuế	33.043	29.114	27.774	88,11%	104,82%
Tỷ trọng LNTT/Doanh thu	11,01%	11,41%	11,18%		
Cổ tức			20%		

Mặc dù công ty đã đạt được một số kết quả khả quan trong năm 2024, nhưng một số chỉ tiêu không đạt được như kỳ vọng, nguyên nhân chủ yếu là do:

- *Tình hình kinh tế và thị trường:* Biến động giá nhiên liệu, lạm phát cao cùng với những thay đổi trong chính sách thuế đã tạo ra sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt trong ngành logistics. Những yếu tố này đã ảnh hưởng lớn đến chi phí vận hành và lợi nhuận của công ty.
- *Năm 2024 - Thách thức lớn:* 2024 là một năm đầy thử thách với sự bất ổn chính trị và tăng trưởng kinh tế chậm, người tiêu dùng buộc phải cắt giảm chi tiêu, dẫn đến sự sụt giảm đáng kể về đơn hàng.

- *Chi phí tăng:* Chi phí lao động tăng cao trong khi giá dịch vụ logistics đã ở mức bão hòa, khiến lợi nhuận của công ty bị giảm sút.
- *Thay đổi quy định:* Các thay đổi trong quy định pháp luật về thủ tục hải quan và vận tải đã tạo ra nhiều áp lực đối với các công ty logistics.
- *Cạnh tranh gia tăng:* Các công ty logistics giá rẻ sẵn sàng chịu lỗ để chiếm lĩnh thị phần, khiến thị trường trở nên chật hẹp hơn. Yêu cầu giảm giá liên tục từ khách hàng trong suốt năm qua đã dẫn đến việc giảm thị phần và mất khách hàng.
- *Khó khăn trong việc giữ chân và mở rộng khách hàng:* Công ty gặp khó khăn trong việc duy trì các khách hàng chủ lực và chưa tìm được các khách hàng mới để thay thế những khách hàng đã mất trong năm 2024.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1 Danh sách Ban điều hành

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Tóm tắt lý lịch cá nhân	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1.	Trịnh Anh Tuấn	Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	Sinh ngày: 17/4/1974 Quốc tịch: Việt Nam	0,25%
2.	Nguyễn Văn Quy	Phó Giám đốc	Sinh ngày: 16/11/1964 Quốc tịch: Việt Nam	0,35%
3.	Nguyễn Hồng Kim Chi	Phó Giám đốc	Sinh ngày: 31/10/1973 Quốc tịch: Việt Nam	0,02%
4.	Phạm Tuấn Anh	Phó Giám đốc	Sinh ngày: 04/08/1979 Quốc tịch: Việt Nam	0%
5.	Nguyễn Bảo Huy	Kế toán trưởng	Sinh ngày: 06/10/1983 Quốc tịch: Việt Nam	0%

2.2 Những thay đổi trong ban điều hành

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày miễn nhiệm/Bổ nhiệm
1.	Phạm Anh Tuấn	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 05/09/2024
2.	Nguyễn Bảo Huy	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm lại ngày 10/12/2024

2.2.1 Số lượng cán bộ, nhân viên:

Tính đến ngày 31/12/2024, tổng số cán bộ nhân viên của Công ty là 244 người.

2.2.2 Các chính sách của Công ty đối với người lao động:

a) Về chính sách đào tạo:

Công tác đào tạo và nâng cao tay nghề: Công ty rất chú trọng đến công tác đào tạo và tự đào tạo cho nhân viên cũng như bộ phận quản lý, văn phòng. Đối với các cán bộ quản lý, văn phòng, tùy theo yêu cầu công việc Công ty sẽ tài trợ toàn bộ chi phí đào tạo nghiệp vụ cho nhân viên.

b) Về chính sách tuyển dụng:

- Công ty rất chú trọng phát triển nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao. Tùy theo yêu cầu công việc, Công ty ban hành quy chế tuyển dụng cụ thể cho từng bộ phận, phòng ban.

Tiêu chí tuyển dụng của Công ty là tuyển dụng các nhân sự có trình độ chuyên môn cao, có nhiều năm kinh nghiệm và tốt nghiệp từ các trường Đại học trong và ngoài nước.

- Công ty cũng chú trọng chính sách thu hút nhân viên lái xe và đảm bảo các lái xe gắn bó lâu dài với Công ty.
- c) Về chính sách an toàn, bảo hộ lao động:
 - Sức khỏe và sự an toàn của nhân viên là ưu tiên hàng đầu đối với Công ty. Công ty hiểu rằng khi sức khỏe thể chất và tinh thần của nhân viên được đảm bảo thì hiệu quả công việc sẽ được nâng cao. Vì thế Công ty luôn đảm bảo công tác an toàn lao động tại nơi làm việc.
 - Công ty cũng thường xuyên tổ chức các chương trình tập huấn an toàn lao động và hướng dẫn, tổ chức cho nhân viên duy trì một lối sống lành mạnh. Bên cạnh đó, hàng năm, Công ty định kỳ thực hiện các chương trình kiểm tra sức khỏe, du lịch nhằm đảm bảo phúc lợi cho nhân viên.
- d) Về chính sách lương, thưởng, phúc lợi và đãi ngộ:
 - Chính sách tiền lương được xây dựng chặt chẽ, quy định một cách cụ thể, rõ ràng các quyền lợi, chính sách, chế độ mà người lao động được hưởng. Chính sách tiền lương bao gồm hệ thống thang, bảng lương trong đó ngạch, bậc lương của người lao động sẽ được xếp theo từng vị trí công việc, trình độ, năng lực và kinh nghiệm. Người lao động được trả lương theo hiệu quả kinh doanh của phòng/ công ty và theo kết quả hoàn thành công việc của cá nhân.
 - Hàng năm, Công ty tiến hành đánh giá, bình bầu thi đua xếp loại lao động và có chế độ khen thưởng. Ngoài ra, Công ty còn có chính sách khen thưởng cá nhân có thành tích xuất sắc từ nguồn quỹ khen thưởng của Công ty được trích từ lợi nhuận.
 - Công ty tổ chức cho CBNV đi tham quan nghỉ dưỡng, nhằm tạo môi trường sinh hoạt tập thể để người lao động gần gũi nhau hơn, đem lại không khí đoàn kết để làm việc. Công ty và Công đoàn cơ sở thực hiện các chế độ trợ cấp khó khăn, thăm hỏi khi người lao động bị ốm đau, hiếu hỷ.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1 Các khoản đầu tư lớn:

3.1.1 Dự án dự án đầu tư tại Khu công nghiệp Bình Chiểu

- Ngày 10/4/2024, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 02/2024/NQ.ĐHĐCĐ-TMS LOGS về việc thông qua chủ trương đầu tư thực hiện dự án đầu tư tại khu công nghiệp Bình Chiểu, thành phố Hồ Chí Minh.
- Thông tin dự án được tóm tắt như sau:
 - ❖ Địa điểm thực hiện dự án: Lô A1, A2, A7 và Lô B2, B5 KCN Bình Chiểu, Phường Bình Chiểu, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
 - ❖ Mục tiêu thực hiện dự án: xây dựng xưởng sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện vận tải, gồm các mục tiêu cụ thể như sau:
 - + Sửa chữa thùng xe tải, container;
 - + Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ các chi tiết cấu tạo thùng xe và container;
 - + Sửa chữa, bảo dưỡng container.
 - ❖ Tổng vốn đầu tư: 421.578.000.000 đồng, trong đó:
 - ❖ Giai đoạn thực hiện: Dự án dự kiến được chia làm 02 giai đoạn:
 - + Giai đoạn 1: triển khai thực hiện tại Khu A gồm các Lô A1, A2 và A7.
 - + Giai đoạn 2: triển khai thực hiện tại Khu B gồm 02 lô còn lại B2 và B5.
- Ngày 11/7/2024, Công ty đã được Ban Quản Lý Các Khu Chế Xuất và Công Nghiệp Thành

phổ Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư để thực hiện và triển khai Giai đoạn 1 của Dự án và hiện nay Công ty cũng đang tích cực triển khai các thủ tục pháp lý để hoàn thành dự án đúng tiến độ và sớm thực hiện tiếp tục Giai đoạn 2 khi điều kiện thuận lợi.

3.1.2 Các dự án đầu tư khác:

- Ngoài ra, trong năm 2024, Công ty đã đầu tư các tài sản cố định gồm xe container, xe tải van, xe tải khô và tải lạnh với tổng giá trị theo nguyên giá là 63.292.144.142 đồng.
- Việc đầu tư thêm các tài sản nêu trên là để đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa ngày càng lớn của khách hàng, và đã mang lại nhiều kết quả tích cực trong công tác vận chuyển hàng hóa của Công ty.

3.2 Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình tài chính:

4.1 Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: Triệu Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	183.511	226.080	123.20%
Doanh thu thuần	248.429	255.129	102.70%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	27.852	21.941	78.78%
Lợi nhuận khác	(77)	7.172	9,314.29%
Lợi nhuận trước thuế	27.774	29.113	104.82%
Lợi nhuận sau thuế	22.146	23.124	104.42%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	20%	20%	100%

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/Current ratio:	0.95	1.63	Lần
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh			
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>	0.94	1.62	Lần
Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	50.71	40.16	%
+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	102.87	67.10	%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	571.04	563.12	Vòng

Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân + Vòng quay tổng tài sản Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	1.48	1.25	Vòng
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	8.91	9.06	%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	27.48	17.09	%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	13.17	10.23	%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	11.21	8.60	%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1 Cổ phần:

Tổng số cổ phiếu đã phát hành	9.207.842
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.207.842
Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng	2.326.309
Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do	6.881.533
Loại cổ phần	Cổ phần phổ thông
Mệnh giá cổ phần	10.000 đồng/cổ phần

5.2 Cơ cấu cổ đông:

Stt	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị theo mệnh giá (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu (%)
I.	Cổ đông theo tiêu chí tỷ lệ sở hữu			
1.	Cổ đông lớn	7.577.414	75.774.140.000	82,3%
2.	Cổ đông nhỏ	1.630.428	16.304.280.000	17,7%
II.	Cổ đông nhà nước	-	-	-
III.	Cổ đông trong nước	8.865.066	88.650.660.000	96,3%
1.	Cá nhân	1.287.652	12.876.520.000	14,0%
2.	Tổ chức	7.577.414	75.774.140.000	82,3%
IV.	Cổ đông nước ngoài	342.776	3.427.760.000	3,7%
1.	Cá nhân	285.587	2.855.870.000	3,1%
2.	Tổ chức	57.189	571.890.000	0,6%

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Thời gian	Vốn điều lệ tăng thêm (VNĐ)	Vốn điều lệ sau khi tăng (VNĐ)	Hình thức thay đổi vốn	Thẩm quyền thông qua
Năm 2016	54.950.000.000	54.950.000.000	Chuyển đổi sang công ty cổ phần	Đại hội đồng cổ đông
Năm 2023	54.950.000.000	60.444.860.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022	Đại hội đồng cổ đông
Tháng 3/2024	60.444.860.000	83.707.950.000	Phát hành cổ phiếu để hoán đổi nợ	Đại hội đồng cổ đông
Tháng 8/2024	83.707.950.000	92.078.420.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023	Đại hội đồng cổ đông

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

5.5 Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

6.1 Tác động lên môi trường:

- Trong quá trình hoạt động, Công ty thấu hiểu rằng bảo vệ môi trường không chỉ là nghĩa vụ của mỗi doanh nghiệp mà còn là cơ sở quan trọng cho sự phát triển bền vững trong tương lai. Vì vậy, việc bảo vệ môi trường luôn được coi là một điều kiện tiên quyết trong mọi chiến lược và kế hoạch phát triển của Công ty.
- Bên cạnh việc tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, Công ty luôn chú trọng việc đổi mới công nghệ phù hợp và sử dụng phương tiện vận chuyển thân thiện với môi trường, cũng như áp dụng nhiên liệu sinh học. Trong đó, chú trọng đầu tư các loại phương tiện đạt tiêu chuẩn khí thải Euro 05, giúp kiểm soát và giảm thiểu lượng khí thải ra môi trường.
- Ngoài ra, việc tuyên truyền nhân viên về tác động của công việc đến môi trường và khuyến khích họ tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường trong cộng đồng cũng được Công ty đặc biệt chú trọng.

6.2 Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Với đặc thù là ngành dịch vụ Logistics, Công ty không sử dụng bất kỳ nguyên vật liệu sản xuất nào khác ngoài yếu tố con người trong khâu quản lý, vận hành các máy móc chuyên dụng và khâu xếp dỡ, lưu trữ hàng hóa. Tuy nhiên Ban lãnh đạo cũng quan tâm và có biện pháp xử lý kịp thời khi có hàng hóa gây ô nhiễm môi trường trong quá trình lưu trữ và vận chuyển nhằm đảm bảo an toàn cho người lao động, trách nhiệm đối với môi trường và cộng đồng.

6.3 Tiêu thụ năng lượng:

Công ty hoạt động trong lĩnh vực vận tải, logistics cho nên năng lượng tiêu thụ chủ yếu là điện, xăng dầu. Để mang lại hiệu quả kinh tế từ việc giảm chi phí đầu vào cũng như bảo vệ môi trường, Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên luôn cố gắng sử dụng năng lượng một cách hợp lý, hạn chế lãng phí nhiên liệu. Trong tương lai, Công ty cũng hướng đến sử dụng các nguồn năng lượng thân thiện với môi trường góp phần hạn chế những tác động đến môi trường và phát triển hoạt động kinh doanh bền vững.

6.4 Tiêu thụ nước:

Chi phí cũng như là lượng tiêu thụ nước của Công ty không mấy đáng kể khi mà chỉ sử dụng trong công tác sinh hoạt tại văn phòng. Tuy nhiên, Công ty vẫn luôn khuyến khích toàn thể nhân viên sử dụng nước tiết kiệm, tránh lãng phí nguồn tài nguyên và chi phí doanh nghiệp.

6.5 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Bảo vệ môi trường không chỉ là trách nhiệm, mà còn là sự phát triển bền vững cho cộng đồng trong tương lai. Do đó, Công ty luôn đề cao việc thực hiện, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, cam kết xử lý phế phẩm xây dựng, nước thải, rác thải đúng quy định pháp luật. Ngoài ra, Công ty cũng nâng cao kiến thức của mỗi nhân viên về tầm quan trọng của bảo vệ môi trường và khuyến khích họ tham gia các hoạt động về môi trường.

6.6 Chính sách liên quan đến người lao động

Công ty luôn đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi cho người lao động khi tham gia đầy đủ bảo hiểm xã hội, có chế độ đãi ngộ tốt. Ngoài ra, Công ty còn thường xuyên tổ chức các buổi giao lưu gặp gỡ nhân viên trong Công ty qua các sự kiện như 8/3, Trung Thu, Giáng sinh, Tết niên... Về hoạt động đào tạo luôn được Công ty chú trọng nhằm đảm bảo trình độ chuyên môn, thái độ và bắt kịp kiến thức luôn thay đổi liên tục. Để thực hiện được điều này, công ty thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn cho nhân viên, lái xe...

6.7 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn nỗ lực xây dựng một môi trường làm việc với tinh thần và trách nhiệm cao không chỉ ở công việc mà còn đối với môi trường và cộng đồng địa phương. Cùng với đó Công ty đã hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn trong xã hội, và thực hiện các hoạt động từ thiện giúp đỡ cộng đồng nhằm phát triển kinh doanh bền vững.

6.8 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Công ty chưa có hoạt động thị trường vốn xanh. Trong tương lai, nếu có cơ hội Công ty sẽ hưởng ứng và tận dụng những ưu đãi khi tham gia thị trường vốn xanh tại Việt Nam cũng như là toàn cầu.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Kế hoạch 2024	Thực hiện năm 2024	Thực hiện năm 2023	(%) TH 2024 so với TH2023	
					KH năm	Cùng kỳ
1	Tổng doanh thu	300.190.860.063	255.129.524.908	248.428.898.783	85,0%	102,7%
2	Lợi nhuận trước thuế	33.043.013.306	29.113.757.957	27.774.208.644	88,1%	104,8%
3	Tỷ trọng LNTT/Tổng doanh thu	11,0%	11,4%	11,2%		

- Trong năm 2024, Doanh thu đạt 255.129.524.908 VND, đạt 85,0% kế hoạch ngân sách 2024, và bằng 102,7% so với cùng năm 2023. Lợi nhuận trước thuế đạt 29.113.757.957 VND, đạt 88,1% kế hoạch ngân sách 2024, và bằng 104,8% so với cùng kỳ năm 2023.
- Thuận lợi và khó khăn trong năm 2024:

❖ Thuận lợi:

- + Trong năm qua, hạ tầng logistics Việt Nam ngày càng được cải thiện, Chính phủ và các Bộ, ngành quan tâm đầu tư phát triển, bến bãi vận tải, giao nhận hàng hoá phục vụ cho hoạt động xuất nhập khẩu đã được nâng cấp, mở rộng, đặc biệt là hạ tầng giao thông như cao tốc Bắc-Nam, sân bay Long Thành, đường sắt cao tốc...
- + Năng lực Công ty và chất lượng dịch vụ Logistics cũng đang được nâng cao khi Công ty cũng đang dần ứng dụng nhiều hơn những công nghệ, máy móc tiên tiến vào trong hoạt động kinh doanh của mình. Cụ thể hơn, Công ty đã áp dụng công nghệ vào việc điều phối xe, kiểm soát hành trình cho đội xe tải nhỏ, xe container được hiệu quả nhất về nguồn nguyên liệu, thời gian giao hàng đến tay khách nhanh và an toàn nhất.
- + Vẫn duy trì được mối quan hệ với các đối tác, khách hàng truyền thống của Công ty và đặc biệt công ty luôn nhận được sự hỗ trợ, chỉ đạo kịp thời từ Ban lãnh đạo công ty mẹ và các Đơn vị liên doanh, liên kết trong Tập đoàn.

❖ Khó khăn:

- + Kinh tế toàn cầu năm 2024 bị ảnh hưởng nặng nề bởi chiến tranh, chính trị khi cuộc xung đột giữa Nga-Ukraine và chiến tranh ở Trung Đông vẫn còn diễn biến phức tạp. Vì vậy, lạm phát vẫn đang ở mức cao, giá xăng dầu còn biến động khó lường, ảnh hưởng đến chi phí của Công ty khi đây là nguồn nguyên liệu đầu vào chính mà Công ty sử dụng cho hoạt động Logistics.
- + Khi tình hình kinh tế thế giới gặp khó khăn trong năm qua, số lượng đơn hàng giảm đáng kể. Đây là yếu tố tiêu cực có tác động trực tiếp tới doanh nghiệp hoạt động trong ngành Logistics.
- + Vẫn còn thiếu nhân lực có kiến thức chuyên sâu, có nhiều kỹ năng và kinh nghiệm đàm phán, tìm kiếm thêm nguồn khách hàng mới cho việc mục tiêu hoàn thành nhiệm vụ năm 2024 và định hướng phát triển 2025 hay các mục tiêu dài hạn của Công ty.
- + Luật giao thông đường bộ và Nghị định 168/2024/NĐ-CP đã ban hành và áp dụng từ ngày 01/01/2025 giới hạn thời gian cho phép tải xé lái xe không quá 48h/tuần làm ảnh hưởng không nhỏ đến công tác tuyển dụng lái xe và tăng chi phí vận hành.

2. Tình hình tài chính

2.1 Tình hình tài sản

Đơn vị tính: Triệu Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Tỷ trọng	Năm 2024	Tỷ trọng	% Tăng Giảm
Tài sản ngắn hạn	85.595	46,64%	98.898	43,74%	115,54%
Tài sản dài hạn	97.915	53,36%	127.182	56,26%	129,89%
Tổng tài sản	183.510	100%	226.080	100%	123,20%

Tổng tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2024 tăng 23,2% so với năm 2023. Tổng tài sản năm 2024 ghi nhận đạt 226.080 triệu đồng. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc tăng tài sản dài hạn, cụ thể tăng 29,89% tương đương 127.182 triệu đồng.

Tài sản cố định

Đơn vị tính: Triệu Đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	GTCL/Nguyên giá
Tài sản cố định hữu hình	181,071	123,331	68.11%
Nhà cửa, vật kiến trúc	8,401	6,441	76.67%
Máy móc thiết bị	1,023	279	27.27%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	171,111	116,543	68.11%
Thiết bị, đồ dùng quản lý	536	68	12.69%
Tài sản cố định vô hình	142	42	29.58%
Phần mềm máy tính	142	42	29.58%

2.2 Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: Triệu Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Tỷ trọng	Năm 2024	Tỷ trọng	% Tăng Giảm
Nợ ngắn hạn	90.452	97,21%	60.724	66,89%	67,13%
Nợ dài hạn	2.600	2,79%	30.062	33,11%	1156,23%
Tổng nợ phải trả	93.052	100%	90.786	100%	97,56%

Cơ cấu nợ của Công ty chủ yếu là các khoản nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng 67%. Cụ thể nợ ngắn hạn của Công ty tại thời điểm 31/12/2024 ghi nhận 60.724 triệu đồng. Về nợ dài hạn, Công ty đã vay phát sinh thêm từ ngân hàng Shinhan, góp phần làm nợ dài hạn tăng lên và ghi nhận 30.062 triệu đồng vào cuối năm 2024.

2.3 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Bộ máy quản lý của doanh nghiệp gọn nhẹ, chặt chẽ trong quản lý, giám sát, các bộ phận có sự phối hợp nhịp nhàng cùng nhau xây dựng doanh nghiệp phát triển bền vững.
- Quy trình nghiệp vụ, quy chế điều hành được hoàn thiện hơn, phân cấp ủy quyền, giao quyền đảm bảo tính chuyên nghiệp và hiệu quả.
- Tiếp tục cập nhật và cải tiến các hệ thống phần mềm, ứng dụng công nghệ mới trong việc quản lý sắp xếp điều vận các chuyến xe hoạt động, tối ưu hóa hoạt động vận hành cho đội xe tải, xe container.
- Tăng cường đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, đầu tư vào các chương trình đào tạo để nâng cao các kỹ năng lái xe an toàn đội xe tải, xe container của Công ty.
- Cải thiện tình hình tài chính, đặc biệt về mặt thu hồi công nợ.
- Có cơ chế, chính sách đã ngộ, khen thưởng tương xứng với nỗ lực và kết quả mà cán bộ công nhân viên đã đạt được.

2.4 Kế hoạch phát triển trong tương lai

2.4.1 Kế hoạch kinh doanh năm 2025

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025 (VNĐ)
1	Vốn điều lệ	92.078.420.000
2	Doanh thu cung cấp dịch vụ	278.082.378.529
3	Lợi nhuận trước thuế	26.903.493.719
4	Tỷ trọng LNTT/Tổng doanh thu	9,7%
5	Lợi nhuận sau thuế	21.522.794.975

2.4.2 Trong năm 2025, Công ty cũng đầu tư thêm các phương tiện vận tải; ứng dụng công nghệ mới trong việc quản lý sắp xếp điều vận các chuyến xe hoạt động, tối ưu hóa hoạt động vận hành.

2.5 Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có): Không có.

2.6 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

- a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)
- Công ty đặt ra mục tiêu không chỉ tập trung vào việc đạt lợi nhuận kinh doanh mà còn chú trọng đến tác động đối với môi trường xung quanh. Để hoạt động của Công ty phát triển bền vững, Công ty cần tối ưu hóa chi phí bằng cách kiểm soát tối đa các chi phí đầu vào đặc biệt là nhiên liệu xăng dầu gây ô nhiễm môi trường, cũng như đảm bảo sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dụng phù hợp.
 - Để hạn chế ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường, Công ty sẽ tập trung vào sử dụng máy móc và thiết bị tiết kiệm năng lượng, kết hợp với nguồn năng lượng thân thiện với môi trường, nhằm đáp ứng xu hướng toàn cầu về ESG và phát triển bền vững. Điều này không chỉ giúp giảm tác động đến môi trường mà còn nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường.
- b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động
- Đi cùng với quá trình cung cấp dịch vụ, Công ty đánh giá cao mức độ quan trọng của việc phát triển chất lượng nhân sự, nâng cao chế độ đãi ngộ và phúc lợi cho nhân viên. Chương trình đào tạo nội bộ cho cán bộ công nhân viên được xây dựng linh hoạt, phù hợp với trình độ và cấp bậc để đảm bảo rằng tất cả cán bộ công nhân viên đều được trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng sử dụng phương tiện vận tải và máy móc cần thiết để thực hiện công việc hiệu quả.
 - Công tác thi đua khen thưởng được thực hiện đa dạng, khuyến khích cả tập thể và cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Chính sách lương, thưởng, và phúc lợi được thiết lập để phản ánh đúng nỗ lực và kết quả đóng góp của nhân viên cho Công ty.
 - Công ty luôn chú trọng đến chăm sóc đời sống vật chất và tinh thần của nhân viên thông qua các hoạt động du lịch hàng năm và việc chia sẻ hỗ trợ đối với những trường hợp gặp tai nạn, bệnh tật nặng nề, và khó khăn trong cuộc sống. Đồng thời, Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách xã hội hỗ trợ nhân viên, bao gồm việc đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn, và nhiều chính sách khác.
- c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương
- Công ty luôn nhận thức rằng việc thực hiện hiệu quả công tác an sinh xã hội không chỉ bao gồm các hoạt động tài trợ thiện nguyện, mà còn đòi hỏi ý thức trong việc bảo vệ môi trường

sống, đảm bảo sạch sẽ và an toàn, không gây hại cho cộng đồng và môi trường xung quanh. Công ty hợp tác tích cực với cơ quan chính quyền và người dân địa phương để nâng cao nhận thức và cùng nhau đóng góp vào sự phát triển và xây dựng một cộng đồng hạnh phúc hơn.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

1.1 Kết quả kinh doanh năm tài chính 2024 của Công Ty:

Đơn vị tính: VNĐ

Stt	Khoản mục	Thực hiện năm 2023	Năm 2024		% thực hiện năm 2024 so với	
			Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2023
1	Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	248.428.898.783	300.190.860.063	255.129.524.908	85,0%	102,7%
2	Lợi nhuận trước thuế (LNTT)	27.774.208.644	33.043.013.306	29.113.757.957	88,1%	104,8%
3	Lợi nhuận sau thuế	22.146.181.115	26.434.410.645	23.124.604.064	87,5%	104,4%
4	Tỷ trọng LNTT/Tổng doanh thu	11,2%	11,0%	11,4%		

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

- Các Nghị quyết của HĐQT đều được HĐQT ủy nhiệm cho Ban Giám đốc Công ty triển khai thực hiện và báo cáo HĐQT.
- Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc được thực hiện thông qua việc HĐQT chất vấn Ban Giám đốc về kết quả kinh doanh trong kỳ tại các phiên họp định kỳ, đồng thời, giám sát nhiều hoạt động khác.
- Luôn giám sát việc thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2024.
- HĐQT đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trong năm 2024 của Ban Giám đốc như sau:
 - (i) Triển khai thực hiện các dự án xây dựng theo đúng quy trình, quy định, theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, tích cực thực hiện các dự án đầu tư của Công ty và đưa vào hoạt động có hiệu quả cao.
 - (ii) Công tác quản lý tài chính được thực hiện tốt, bảo đảm cân đối nguồn vốn phục vụ đầu tư phát triển kinh doanh.
 - (iii) Ban Điều hành đã điều hành Công ty theo đúng chức năng, nhiệm vụ, thực hiện theo quy chế quản trị nội bộ, theo đúng điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.
 - (iv) Thực hiện công bố thông tin nghiêm túc và đúng quy định.
 - (v) Tuân thủ nghiêm túc và đầy đủ các báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của các Cơ quan quản lý Nhà nước.
 - (vi) Công tác đào tạo được chú trọng, nâng cao năng lực quản lý và chuyên môn của Cán bộ Nhân viên trong Công ty.
 - (vii) Thực hiện tốt việc chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ nhân viên Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- HĐQT Công ty tiếp tục triển khai hoạt động theo quy định của Điều lệ Công ty, tuân thủ Luật Doanh nghiệp và pháp luật hiện hành và Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2025.

- Tổ chức cuộc họp của HĐQT theo đúng Điều lệ Công ty và có sự tham dự của Ban điều hành, Trưởng Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.
- HĐQT chủ trì và chỉ đạo sâu sát các phòng ban liên quan tiến hành lập và công bố Báo cáo tình hình quản trị công ty, tình hình kinh doanh theo từng thời đoạn báo cáo tháng, quý năm cho năm 2025 kịp thời, minh bạch và đúng quy định.
- HĐQT sẽ tổ chức các phiên họp HĐQT, ban hành các nghị quyết, quyết định theo nghị quyết của ĐHCĐ hoặc các đầu tư mới nếu có.
- HĐQT sẽ theo sát các hoạt động kinh doanh, kết quả kinh doanh của Công ty và có chất vấn về các phương hướng, chính sách do ban điều hành đề ra để đạt được mục tiêu kinh doanh của Công ty.
- Tăng cường và hỗ trợ Ban Điều hành trong công tác điều hành hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, tăng cường công tác kiểm soát nội bộ và kiểm soát rủi ro trong Công ty.
- HĐQT có đại diện tham gia vào các buổi họp giao ban hàng tuần của Công ty để kịp thời điều chỉnh cho các hoạt động kinh doanh đúng hướng, đem lại hiệu quả cao hơn.
- Kiểm soát BĐH Công ty thực hiện tốt và đầy đủ các Nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT, kiểm soát việc thực hiện các dự án đầu tư trong năm 2025 theo đúng tiến độ đề ra và đưa vào hoạt động có hiệu quả cao.
- Tuân thủ nghiêm túc và thực hiện đầy đủ các báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Công ty mẹ và các cơ quan quản lý nhà nước.
- Tiếp tục kiểm soát tốt công tác quản lý tài chính, kiểm soát công nợ của khách hàng để giảm thiểu công nợ quá hạn thanh toán, đảm bảo nguồn vốn hoạt động của Công ty.
- Tăng cường triển khai áp dụng công nghệ thông tin trong quản trị, số hóa công tác điều hành khai thác dịch vụ.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Stt	Họ và tên	Chức danh tại Công ty	Chức danh quản lý tại Công ty khác	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1.	Ông Bùi Tuấn Ngọc	Chủ tịch HĐQT	Xem chi tiết tại Mục (*) bên dưới.	1,22%
2.	Ông Tôn Thất Hưng	Thành viên HĐQT	Không có	0,24%
3.	Ông Nguyễn Chí Đức	Thành viên HĐQT	Xem chi tiết tại Mục (**) bên dưới.	0,84%
4.	Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Thành viên HĐQT độc lập	Không có	0,06%
5.	Ông Trịnh Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	Không có	0,25%

(*) Ông Bùi Tuấn Ngọc giữ các chức vụ tại các Công ty khác cụ thể như sau:

- (1) Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Transimex;
- (2) Phó Chủ tịch HĐQT - Công Ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Và Đầu Tư Chợ Lớn (Cholimex);
- (3) Chủ tịch HĐQT - Công Ty Cổ phần Thương Mại Phú Nhuận;

- (4) Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Logistics Vĩnh Lộc;
 (5) Chủ tịch HĐQT - Công Ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics;
 (6) Chủ tịch HĐQT - Công Ty TNHH MTV Bất Động Sản Transimex;
 (7) Chủ tịch HĐQT - Công Ty TNHH MTV Đầu Tư Long An;
 (8) Chủ tịch HĐQT - Công Ty TNHH Đầu Tư Và Thương Mại Thiên Hải;
 (9) Thành viên HĐQT - Công Ty Cổ Phần Cảng Mipec;
 (10) Đại diện theo pháp luật - Công ty Cổ phần Vinaprint;
 (11) Tổng Giám đốc - Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Toàn Việt.

(**) Ông Nguyễn Chí Đức giữ chức vụ tại các Công ty khác cụ thể như sau:

- (1) Phó Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Transimex;
 (2) Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc - Công ty Liên doanh TNHH Nippon Express (Việt Nam).

1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Để thực hiện các nhiệm vụ do ĐHĐCĐ giao, HĐQT Công ty đã tiến hành triển khai hoạt động theo quy định của Điều lệ Công ty, tuân thủ Luật Doanh nghiệp và pháp luật hiện hành.
- Các cuộc họp của HĐQT được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ Công ty và có sự tham dự của Ban điều hành, Trưởng Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.
- HĐQT đã trực tiếp thảo luận, quyết định các nội dung trình ĐHĐCĐ biểu quyết tại Đại hội. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền, phê duyệt các tờ trình của Ban điều hành và nghe Ban điều hành báo cáo tình hình và kết quả kinh doanh của Công ty định kỳ.
- Kết quả biểu quyết các vấn đề đều đạt đồng thuận cao, các Biên bản, Nghị quyết của HĐQT đều có sự thống nhất của các thành viên, được lưu giữ và thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định.
- Ngoài ra, HĐQT cũng chủ trì và chỉ đạo sâu sát các phòng ban liên quan tiến hành lập và công bố Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2024 kịp thời, minh bạch và đúng quy định.
- Trong năm 2024, HĐQT đã có 18 phiên họp và ban hành 20 Nghị quyết, cụ thể như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01	01/2024/NQ.HĐQT-TOT	09/01/2024	Thông qua hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi nợ.	100%
02	02/2024/NQ.HĐQT-TOT	30/01/2024	1. Thông qua việc thực hiện phân phối cổ phiếu phát hành riêng lẻ để hoán đổi nợ. 2. Thông qua danh sách chủ nợ được phân phối cổ phiếu TOT trong đợt phát hành cổ phiếu để hoán đổi nợ. 3. Thông qua việc Hội đồng quản trị ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các công việc cần thiết để hoàn thiện hồ sơ và các công việc khác có liên quan theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			thầm quyền đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.	
03	03/2024/NQ.HĐQT-TOT	17/02/2024	Thông qua kế hoạch tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Transimex Logistics.	100%
04	04/2024/NQ.HĐQT-TOT	01/03/2024	Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi nợ.	100%
05	05/2024/NQ.HĐQT-TMS LOGS	11/03/2024	1. Thông qua việc đăng ký tăng vốn điều lệ của Công ty. 2. Thông qua việc sửa đổi Điểm a Khoản 1 Điều 6 về Vốn điều lệ trong Bản Điều lệ của Công ty. 3. Giao cho người đại diện theo pháp luật của Công ty ký ban hành Điều lệ sửa đổi liên quan đến việc thay đổi nội dung Vốn điều lệ.	100%
06	06/2024/NQ.HĐQT-TMS LOGS	14/03/2024	1. Thông qua Báo cáo của Ban Điều hành về kết quả kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch kinh doanh năm 2024 của Công ty Cổ phần Transimex Logistics. 2. Thông qua Báo cáo thực hiện chi quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2023 của Công ty Cổ phần Transimex Logistics. 3. Thông qua mức thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Thư ký Hội đồng quản trị năm 2024 của Công ty Cổ phần Transimex Logistics. 4. Thông qua Quy chế công bố thông tin công ty đại chúng của Công ty Cổ phần Transimex Logistics. 5. Thông qua việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty Cổ phần Transimex Logistics với người có liên quan của Công ty Cổ phần Transimex Logistics theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			Điều lệ Công ty Cổ phần Transimex Logistics. 6. Thông qua việc hủy nội dung về đăng ký thực hiện dự án đầu tư đã được Hội đồng quản trị thông qua tại Điều 5 của Nghị quyết Hội đồng quản trị số 20/NQ.HĐQT-TMS LOGS ngày 17/11/2023 của Công ty Cổ phần Transimex Logistics.	
07	07/2024/NQ.HĐQT-TMS LOGS	14/3/2024	1. Thông qua việc lựa chọn địa điểm tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Transimex Logistics. 2. Thông qua việc phê duyệt các nội dung trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Transimex Logistics.	100%
08	08/2024/NQ.HĐQT-TMS LOGS	26/3/2024	1. Thông qua việc đầu tư mua mới 10 xe đầu kéo hiệu FAW cho Công ty Cổ phần Transimex Logistics. 2. Thông qua phương án nhận cấp tín dụng từ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam để đầu tư mua mới 10 xe đầu kéo hiệu FAW cho Công ty Cổ phần Transimex Logistics. 3. Thông qua việc Hội đồng quản trị giao quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Công ty ký kết các văn kiện tín dụng với Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam để đầu tư mua mới 10 xe đầu kéo hiệu FAW cho Công ty Cổ phần Transimex Logistics.	100%
09	09/2024/NQ.HĐQT-TMS LOGS	09/4/2024	Thông qua việc điều chỉnh và bổ sung các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Transimex Logistics.	100%
10	10/2024/NQ.HĐQT-TMS LOGS	25/04/2024	1. Thông qua việc đầu tư mua mới 20 xe đầu kéo hiệu FAW cho Công ty	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			Cổ phần Transimex Logistics. 2. Thông qua phương án nhận cấp tín dụng từ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam để đầu tư mua mới 20 xe đầu kéo hiệu FAW cho Công ty Cổ phần Transimex Logistics. 3. Thông qua việc Hội đồng quản trị giao quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Công ty ký kết các văn kiện tín dụng với Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam để đầu tư mua mới 20 xe đầu kéo hiệu FAW cho Công ty Cổ phần Transimex Logistics.	
11	11/2024/NQ.HĐQT-TMS LOGS	13/06/2024	1. Thông qua việc triển khai thực hiện phương án chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2023 của Công ty Cổ phần Transimex Logistics. 2. Thông qua việc đầu tư mua mới 17 xe đầu kéo Faw 2 cầu cho Công ty Cổ phần Transimex Logistics. 3. Thông qua phương án nhận cấp tín dụng từ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam để đầu tư mua mới 17 xe đầu kéo Faw 2 cầu và dùng 17 xe đầu kéo Faw 2 cầu được hình thành từ vốn vay để làm tài sản bảo đảm cho khoản vay với Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam.	100%
12	12/2024/NQ.HĐQT-TMS LOGS	13/06/2024	Thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2023 của Công ty Cổ phần Transimex Logistics.	100%
13	13/2024/NQ.HĐQT-TMS LOGS	18/7/2024	1. Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động tài chính, hoạt động đầu tư 6 tháng đầu năm 2024. 2. Thông qua Báo cáo tình hình đầu tư các dự án 6 tháng đầu năm 2024 và kế hoạch 6 tháng cuối năm 2024.	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			3. Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty Cổ phần Transimex Logistics. 4. Thông qua việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty Cổ phần Transimex Logistics với người có liên quan của Transimex theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ Công ty Cổ phần Transimex Logistics. 5. Thông qua việc điều chỉnh một số nội dung liên quan đến việc thực hiện thanh lý 48 xe đầu kéo container đã được thông qua tại Nghị quyết Hội đồng quản trị số 20/NQ.HĐQT-TMS LOGS ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Công ty Cổ phần Transimex Logistics.	
14	14/2024/NQ.HĐQT-TMS LOGS	05/8/2024	1. Thông qua nội dung Báo cáo của Ban điều hành về kết quả kinh doanh 06 tháng đầu năm 2024 và kế hoạch kinh doanh 06 tháng cuối năm 2024. 2. Thông qua việc điều chỉnh giá bán thanh lý 22 xe đầu kéo Container đã được Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Transimex Logistics thông qua tại Nghị quyết số 20/NQ.HĐQT-TMS LOGS ngày 17 tháng 11 năm 2023. 3. Thông qua việc thanh lý 02 Xe đầu kéo Man TGX và 05 Rơ moóc chuyên dùng của Công ty Cổ phần Transimex Logistics. 4. Thông qua các vấn đề liên quan đến việc sắp xếp, tổ chức lại các phòng ban trực thuộc Công ty Cổ phần Transimex Logistics.	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
15	15/2024/NQ.HĐQT-TMS LOGS	26/8/2024	1. Thông qua việc thực hiện thủ tục đăng ký tăng vốn Điều lệ cho Công ty. 2. Thông qua việc sửa đổi Điểm a Khoản 1 Điều 6 Điều lệ của Công ty. 3. Thông qua việc Hội đồng quản trị giao quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Công ty ký ban hành điều lệ sửa đổi liên quan đến việc thay đổi nội dung vốn điều lệ và triển khai thủ tục đăng ký tăng vốn điều lệ đúng theo nội dung đã được Hội đồng quản trị thông qua và phù hợp theo quy định của pháp luật.	100%
16	16/2024/NQ.HĐQT-TMS LOGS	05/9/2024	1. Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Transimex Logistics. 2. Thông qua việc điều chỉnh mức thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Thư ký Hội đồng quản trị năm 2024 đã được thông qua tại Nghị quyết Hội đồng quản trị số 06/2024/NQ.HĐQT-TMS LOGS ngày 14/3/2024 của Công ty Cổ phần Transimex Logistics. 3. Thông qua việc điều chỉnh nội dung về tăng vốn Điều lệ Công ty đã được Hội đồng quản trị thông qua tại Nghị quyết số 15/2024/NQ.HĐQT-TMS LOGS ngày 26/8/2024 của Công ty Cổ phần Transimex Logistics. 4. Thông qua việc bổ nhiệm người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty Cổ phần Transimex Logistics. 5. Thông qua việc điều chỉnh hạn mức phê duyệt trong Bảng phân cấp, phân quyền trong quản lý, điều hành hoạt động doanh nghiệp đã được Hội đồng quản trị thông	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			qua tại Nghị quyết số 19/2023/NQ.HĐQT-TOT ngày 23/10/2023 của Công ty Cổ phần Transimex Logistics. 6. Thông qua kế hoạch tổ chức và nội dung để lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Transimex Logistics.	
17	17/2024/NQ.HĐQT-TMS LOGS	03/10/2024	Thông qua việc cập nhật, bổ sung các nội dung, tài liệu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Transimex Logistics.	100%
18	18/2024/NQ.HĐQT-TMS LOGS	25/10/2024	1. Thông qua báo cáo tình hình hoạt động tài chính, hoạt động đầu tư 9 tháng đầu năm 2024 và kế hoạch 3 tháng cuối năm 2024. 2. Thông qua báo cáo tình hình thực hiện đầu tư các dự án 9 tháng đầu năm 2024 và kế hoạch 3 tháng cuối năm 2024. 3. Thông qua việc điều chỉnh giá bán thanh lý tối thiểu đối với 02 xe đầu kéo Man TGX và 05 rơ moóc chuyên dùng của Công ty Cổ phần Transimex Logistics. 4. Thông qua việc miễn nhiệm và bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị mới của Công ty Cổ phần Transimex Logistics.	100%
19	19/2024/NQ.HĐQT-TMS LOGS	26/11/2024	1. Thông qua việc bổ nhiệm bà Nguyễn Hồng Kim Chi giữ chức vụ Phó Giám đốc phụ trách Kế toán của Công ty Cổ phần Transimex Logistics. 2. Thông qua việc bổ nhiệm ông Phạm Tuấn Anh giữ chức vụ Phó Giám đốc phụ trách Kỹ thuật của Công ty Cổ phần Transimex Logistics. 3. Thông qua việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại Vĩnh Long.	
20	20/2024/NQ.HĐQT-TMS LOGS	10/12/2024	Thông qua việc bổ nhiệm lại ông Nguyễn Bảo Huy giữ chức vụ Kế toán trưởng của Công ty Cổ phần Transimex Logistics.	100%

1.4 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

Thành viên HĐQT độc lập đóng vai trò tham mưu, giám sát hoạt động của HĐQT và Ban điều hành một cách khách quan, công bằng và đảm bảo tránh các xung đột lợi ích xảy ra. Trong năm 2024, thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty đã tham gia các cuộc họp của HĐQT để đóng góp ý kiến, đề xuất định hướng phát triển, kế hoạch kinh doanh của Công ty; đồng thời theo dõi hoạt động của HĐQT, kết quả giám sát Ban điều hành gửi các thành viên của HĐQT theo Điều lệ của Công ty.

1.5 Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty:

Các khóa đào tạo về quản trị Công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban Giám đốc, các cán bộ quản lý khác được tham gia theo quy định về quản trị Công ty theo thư mời tham dự từ các Cơ quan nhà nước, Sở ban ngành tổ chức và của Công ty mẹ.

2. Ban Kiểm soát

2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Stt	Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1.	Ông Phạm Xuân Quang	Trưởng BKS	0%
2.	Ông Võ Thành Đồng	Thành viên BKS	0%
3.	Ông Lê Thanh Tinh	Thành viên BKS	0%

2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị (HĐQT), tham gia ý kiến với HĐQT và Ban điều hành về các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Kiểm tra, giám sát HĐQT và Ban điều hành trong việc tuân thủ thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên, việc chấp hành các quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.
- Kiểm tra và giám sát việc thực hiện kế hoạch kinh doanh, công tác tài chính, kế toán và thẩm tra Báo cáo tài chính 2024.
- Thực hiện các công tác khác theo chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát.
- Trong năm 2024, BKS đã tổ chức 02 buổi họp với sự có mặt của 100% thành viên BKS với tỷ lệ biểu quyết đạt 100% tại mỗi cuộc họp.

2.3 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Stt	Họ tên	Chức danh	Thù lao (trước thuế TNCN) (VND)
1.	Ông Bùi Tuấn Ngọc	Chủ tịch HĐQT	22.222.222
2.	Ông Tôn Thất Hưng	Thành viên HĐQT	177.777.780
3.	Ông Nguyễn Chí Đức	Thành viên HĐQT	133.333.332
4.	Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Thành viên HĐQT độc lập	133.333.332
5.	Ông Trịnh Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	133.333.332
6.	Ông Phạm Xuân Quang	Trưởng BKS	133.333.332
7.	Ông Võ Thành Đồng	Thành viên BKS	93.333.336
8.	Ông Lê Thanh Tình	Thành viên BKS	93.333.336

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

Stt	Người thực hiện giao dịch	Mối quan hệ liên quan	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu đầu kỳ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Lý do tăng/giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
1.	Bùi Tuấn Ngọc	Người nội bộ	101.926	1,69%	112.118	1,22%	Chia cổ tức
2.	Tôn Thất Hưng	Người nội bộ	20.460	0,34%	22.506	0,24%	Chia cổ tức
3.	Nguyễn Chí Đức	Người nội bộ	69.300	1,15%	77.000	0,84%	Chia cổ tức
4.	Nguyễn Thị Bích Liên	Người nội bộ	4.609	0,08%	5.069	0,06%	Chia cổ tức
5.	Trịnh Anh Tuấn	Người nội bộ	20.915	0,35%	23.006	0,25%	Chia cổ tức
6.	Phạm Anh Tuấn	Người nội bộ	8.800	0,15%	9.680	0,11%	Chia cổ tức
7.	Nguyễn Văn Quy	Người nội bộ	29.590	0,49%	32.549	0,35%	Chia cổ tức
8.	Nguyễn Hồng Kim Chi	Người nội bộ	12.430	0,21%	2.013	0,02%	Bán
9.	Công ty Cổ phần Transimex	Công ty mẹ	4.562.250	75,48%	7.577.414	82,29%	Phát hành cổ phiếu để hoán đổi nợ và chia cổ tức

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

Stt	Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ/giao dịch	Giá trị thực hiện (tính đến 31/12/2024) (VND)	Mối quan hệ
1.	Công Ty Cổ Phần Transimex	Cung cấp dịch vụ	113.402.241.395	Công ty mẹ.
		Trả nợ vay	949.767.129	
		Sử dụng dịch vụ	17.969.021.029	
2.	Công ty Cổ phần Vinafreight	Cung cấp dịch vụ	3.761.450.011	Tổ chức có cùng Công ty mẹ.
		Sử dụng dịch vụ	283.701.322	
3.	Công Ty Liên Doanh TNHH Nippon Express (Việt Nam)	Cung cấp dịch vụ	1.682.938.620	Tổ chức có liên quan của người nội bộ.
4.	Công Ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics	Sử dụng dịch vụ	23.355.506.787	Tổ chức có liên quan của người nội bộ.
		Cung cấp dịch vụ	7.627.066.920	
5.	Công Ty Cổ Phần Thủy Đặc Sản	Cung cấp dịch vụ	2.128.314.320	Tổ chức có liên quan của người nội bộ.
6.	Công Ty Cổ Phần Cảng Transimex	Sử dụng dịch vụ	289.815.000	Tổ chức có liên quan của người nội bộ.
		Cung cấp dịch vụ	4.167.831.657	
7.	Công Ty TNHH MTV Trung tâm Phân Phối Transimex	Mua dịch vụ	698.102.217	Tổ chức có cùng Công ty mẹ.
		Cung cấp dịch vụ	1.663.229.808	
8.	Công Ty Cổ Phần Transimex Shipping	Cung cấp dịch vụ	166.428.000	Tổ chức có cùng Công ty mẹ.
9.	Công Ty TNHH MTV Bất Động Sản Transimex	Sử dụng dịch vụ	393.305.000	Tổ chức có cùng Công ty mẹ.

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Quản trị công ty là yếu tố cốt lõi để đảm bảo hiệu quả hoạt động kinh doanh và phát triển bền vững. Công ty đã xây dựng và ban hành nhiều quy định, quy chế nội bộ nhằm tạo cơ chế quản lý đơn giản về thủ tục, thống nhất trong hệ thống, quan tâm đến lợi ích cộng đồng, khách hàng và đối tác chiến lược. Công ty cũng đã cử các cán bộ tham gia các khóa đào tạo, hội thảo về quản trị công ty mà các sở ban, ngành đã tổ chức nhằm trang bị kiến thức và kỹ năng trong việc thực hiện và tuân thủ các quy định về quản trị công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. Ý kiến kiểm toán

“Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

Toàn văn ý kiến của kiểm toán viên được thể hiện chi tiết trong Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty được đính kèm theo Báo cáo này.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam được đính kèm theo Báo cáo này.

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT HN
- Lưu: VT.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY**



Trịnh Anh Tuấn
Giám đốc

Số tham chiếu: 12812243/67733675

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Transimex Logistics

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Transimex Logistics ("Công ty"), được lập ngày 19 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 5 đến trang 31, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

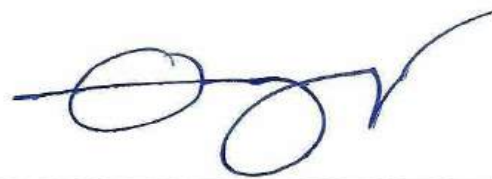
Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Quốc Hoàng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2787-2022-004-1



Ngô Trần Quang
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 5629-2025-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 19 tháng 3 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND				
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		98.897.955.655	85.595.307.561
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	13.235.919.997	17.826.535.575
111	1. Tiền		11.235.919.997	17.826.535.575
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.000.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		31.000.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	31.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		51.899.855.907	64.144.398.111
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	36.864.235.148	33.921.523.218
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	345.679.548	4.670.134.992
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	15.239.434.046	26.102.232.736
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1, 7	(549.492.835)	(549.492.835)
140	IV. Hàng tồn kho	8	294.317.454	428.170.684
141	1. Hàng tồn kho		294.317.454	428.170.684
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.467.862.297	3.196.203.191
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	2.467.862.297	3.196.203.191
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		127.182.395.552	97.915.240.121
210	I. Phải thu dài hạn		830.534.420	850.534.420
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	830.534.420	850.534.420
220	II. Tài sản cố định		123.371.048.678	93.144.937.681
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	123.329.486.160	93.079.625.171
222	Nguyên giá		181.070.673.754	169.581.052.921
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(57.741.187.594)	(76.501.427.750)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	41.562.518	65.312.510
228	Nguyên giá		142.250.000	142.250.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(100.687.482)	(76.937.490)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		-	3.484.628.150
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	3.484.628.150
260	IV. Tài sản dài hạn khác		2.980.812.454	435.139.870
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	2.980.812.454	435.139.870
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		226.080.351.207	183.510.547.682

Công ty Cổ phần Transimex Logistics

B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND				
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		90.786.216.955	93.052.239.494
310	I. Nợ ngắn hạn		60.724.472.327	90.452.393.595
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	40.230.598.858	72.305.659.092
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		82.320.000	86.686.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	5.112.121.308	3.383.649.993
314	4. Phải trả người lao động		82.515.696	10.186.351
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	6.311.546.396	921.558.798
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	783.907.105	913.397.239
320	7. Vay ngắn hạn	16	8.121.462.964	10.060.215.636
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	-	2.771.040.486
330	II. Nợ dài hạn		30.061.744.628	2.599.845.899
338	1. Vay dài hạn	16	30.061.744.628	2.599.845.899
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		135.294.134.252	90.458.308.188
410	I. Vốn chủ sở hữu	18.1	135.294.134.252	90.458.308.188
411	1. Vốn cổ phần		92.078.420.000	60.444.860.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		92.078.420.000	60.444.860.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		6.818.927.000	-
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		36.396.787.252	30.013.448.188
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		13.272.183.188	10.303.346.996
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		23.124.604.064	19.710.101.192
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		226.080.351.207	183.510.547.682

Phạm Đông Đức
Người lập

Nguyễn Bảo Huy
Kế toán trưởng

Trịnh Anh Tuấn
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 19 tháng 3 năm 2025

Công ty Cổ phần Transimex Logistics

B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu cung cấp dịch vụ		255.129.524.908	248.428.898.783
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ	19	255.129.524.908	248.428.898.783
11	4. Giá vốn cung cấp dịch vụ	20	(203.422.451.157)	(194.549.711.290)
20	5. Lợi nhuận gộp từ cung cấp dịch vụ		51.707.073.751	53.879.187.493
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		42.888.362	12.876.560
22	7. Chi phí tài chính	21	(1.855.732.984)	(2.002.059.145)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	21	(1.851.472.023)	(1.966.053.077)
25	8. Chi phí bán hàng		(77.700.000)	(61.260.000)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(27.875.138.937)	(23.977.065.325)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		21.941.390.192	27.851.679.583
31	11. Thu nhập khác	23	7.481.907.107	58.938.390
32	12. Chi phí khác	23	(309.539.342)	(136.409.329)
40	13. Lợi nhuận (lỗ) khác	23	7.172.367.765	(77.470.939)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		29.113.757.957	27.774.208.644
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	(5.989.153.893)	(5.628.027.529)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		23.124.604.064	22.146.181.115
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	18.4	2.620	2.964
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	18.4	2.620	2.964

Phạm Đông Đức
Người lập

Nguyễn Bảo Huy
Kế toán trưởng

Trịnh Anh Tuấn
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 19 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		29.113.757.957	27.774.208.644
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	10,11	20.967.823.035	16.286.261.059
05	(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư		(7.492.256.025)	90.774.769
06	Chi phí lãi vay	21	1.851.472.023	1.966.053.077
08	Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		44.440.796.990	46.117.297.549
09	Giảm các khoản phải thu		8.365.666.075	15.299.011.727
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		133.853.230	(174.949.153)
11	Tăng các khoản phải trả		5.284.179.350	3.555.199.192
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(506.051.690)	217.139.788
14	Lãi vay đã trả		(2.808.240.322)	(1.156.826.169)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13	(5.252.676.054)	(4.573.888.221)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	2.238.459.180
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.771.040.486)	(2.329.090.396)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		46.886.487.093	59.192.353.497
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(59.393.268.013)	(32.808.897.175)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		21.720.925.923	629.090.907
23	Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn		(31.000.000.000)	-
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi		42.888.362	12.876.560
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(68.629.453.728)	(32.166.929.708)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	16	61.951.692.422	54.754.891.124
34	Tiền trả nợ gốc vay	16	(36.428.546.365)	(70.719.829.589)
36	Cổ tức đã trả	18.2	(8.370.795.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		17.152.351.057	(15.964.938.465)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương thuần trong năm		(4.590.615.578)	11.060.485.324
60	Tiền đầu năm	4	17.826.535.575	6.766.050.251
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	13.235.919.997	17.826.535.575

Phạm Đông Đức
Người lập

Nguyễn Bảo Huy
Kế toán trưởng



Trần Anh Tuấn
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 19 tháng 3 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Transimex Logistics ("Công ty"), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0307821849 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 3 năm 2009, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường biển và đường thủy nội địa; bốc xếp hàng hóa; cho thuê kho bãi; lưu trữ hàng hóa và dịch vụ đóng gói.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("SGDCK HN") với mã TOT theo Quyết định số 731/QĐ-SGDHN do SGDCK HN cấp ngày 21 tháng 12 năm 2021.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 2, Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, 82 Trần Huy Liệu, Phường 15, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 250 (ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 290).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu - chi phí mua tính theo giá bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	2 - 10 năm
Máy móc và thiết bị	2 - 4 năm
Phương tiện vận tải	2 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 3 năm
Phần mềm máy tính	4 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.13 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên:

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần, hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.18 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là dịch vụ vận tải hàng hóa, cho thuê kho bãi và các dịch vụ khác. Trong đó, hoạt động cho thuê kho bãi và dịch vụ khác chiếm tỷ trọng không đáng kể. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về dịch vụ mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	30.369.479	453.529.986
Tiền gửi ngân hàng	11.205.550.518	17.373.005.589
Các khoản tương đương tiền (*)	2.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	13.235.919.997	17.826.535.575

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện số dư tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn có kỳ hạn gốc là một (1) tháng và hưởng lãi suất 4,7%/năm.

Các thông tin bổ sung về báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ:		
Cần trừ công nợ phải trả với phải thu tăng vốn cổ phần	30.242.017.000	-

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

Số cuối năm thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng và kỳ hạn còn lại không quá mười hai (12) tháng kể từ ngày kết thúc kỳ toán và hưởng lãi suất từ 5,8% đến 5,9%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Phải thu từ bên khác	27.159.024.766	23.705.548.829
Công ty TNHH Coats Phong Phú	12.655.924.516	11.661.023.843
Công ty TNHH Nestlé Việt Nam	2.650.701.270	1.299.462.024
Công ty TNHH Polytex Far Eastern Việt Nam	1.541.550.945	716.298.366
Công ty TNHH Giấy Đồng Tiến Bình Dương	-	1.192.860.000
Các khách hàng khác	10.310.848.035	8.835.904.596
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	9.705.210.382	10.215.974.389
TỔNG CỘNG	36.864.235.148	33.921.523.218
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(502.916.835)	(502.916.835)
GIÁ TRỊ THUẦN	36.361.318.313	33.418.606.383

6.2 Trả trước ngắn hạn cho người bán

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Công ty TNHH Thu phí tự động VETC	234.183.114	429.268.759
Công ty TNHH Hoàng Phi Hải	-	2.625.000.000
Công ty Cổ phần Văn Nam	-	1.273.876.129
Khách hàng khác	111.496.434	341.990.104
TỔNG CỘNG	345.679.548	4.670.134.992

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Ngắn hạn	15.239.434.046	26.102.232.736
Chi hộ	13.578.448.549	19.175.426.133
Tạm ứng cho nhân viên	1.105.617.340	6.553.150.143
Ký quỹ, ký cược	234.380.000	248.980.000
Khác	320.988.157	124.676.460
Dài hạn	830.534.420	850.534.420
Ký quỹ, ký cược	830.534.420	850.534.420
TỔNG CỘNG	16.069.968.466	26.952.767.156
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(46.576.000)	(46.576.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	16.023.392.466	26.906.191.156
Trong đó:		
Phải thu từ các bên khác	7.572.090.687	11.439.219.147
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	8.451.301.779	15.466.972.009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Nguyên vật liệu	<u>294.317.454</u>	<u>428.170.684</u>

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Ngắn hạn	2.467.862.297	3.196.203.191
Công cụ, dụng cụ	2.042.166.742	2.826.716.837
Phí bảo hiểm	223.837.916	265.201.744
Khác	201.857.639	104.284.610
Dài hạn	2.980.812.454	435.139.870
Chi phí cải tạo văn phòng	2.048.064.002	-
Công cụ, dụng cụ	831.342.952	404.365.280
Chi phí bảo trì	<u>101.405.500</u>	<u>30.774.590</u>
TỔNG CỘNG	<u>5.448.674.751</u>	<u>3.631.343.061</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	VND Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	8.400.700.384	1.023.400.000	159.620.952.537	536.000.000	169.581.052.921
Mua trong năm	-	-	63.292.144.142	-	63.292.144.142
Đầu tư xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành	-	-	2.173.348.150	-	2.173.348.150
Thanh lý	-	-	(53.975.871.459)	-	(53.975.871.459)
Số cuối năm	8.400.700.384	1.023.400.000	171.110.573.370	536.000.000	181.070.673.754
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	350.000.000	354.400.000	15.578.996.229	266.000.000	16.549.396.229
Giá trị khấu hao lũy kế					
Số đầu năm	(1.155.070.028)	(554.733.303)	(74.413.124.419)	(378.500.000)	(76.501.427.750)
Khấu hao trong năm	(805.070.028)	(189.916.669)	(19.859.086.346)	(90.000.000)	(20.944.073.043)
Thanh lý	-	-	39.704.313.199	-	39.704.313.199
Số cuối năm	(1.960.140.056)	(744.649.972)	(54.567.897.566)	(468.500.000)	(57.741.187.594)
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	7.245.630.356	468.666.697	85.207.828.118	157.500.000	93.079.625.171
Số cuối năm	6.440.560.328	278.750.028	116.542.675.804	67.500.000	123.329.486.160
Trong đó:					
Tài sản sử dụng để thế chấp (*)	-	-	57.396.410.300	-	57.396.410.300

(*) Công ty đã thế chấp các xe đầu kéo và xe tải cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam như đề cập tại *Thuyết minh số 16*.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND
	<i>Phần mềm máy tính</i>
Nguyên giá	
Số đầu năm và số cuối năm	142.250.000
Trong đó:	
Đã hao mòn hết	47.250.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số đầu năm	(76.937.490)
Hao mòn trong năm	(23.749.992)
Số cuối năm	(100.687.482)
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	65.312.510
Số cuối năm	41.562.518

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 26</i>)	31.844.388.058	61.018.005.707
Phải trả các bên bên khác	8.386.210.800	11.287.653.385
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại		
Xuất nhập khẩu Thủ Đức - Cửa Hàng		
Xăng Dầu Phú Hữu	2.575.976.850	1.088.016.830
Công ty TNHH Liên Sơn Logistics	1.243.183.000	1.122.184.800
Công ty TNHH MTV Kho Vận Đường Sắt Sóng		
Thần	1.204.200.000	510.300.000
Công ty TNHH Dịch vụ Thương Mại Xăng dầu		
An Thịnh Phát	-	1.279.030.330
Công ty TNHH Song Toàn	-	1.239.840.000
Khác	3.362.850.950	6.048.281.425
TỔNG CỘNG	40.230.598.858	72.305.659.092

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.975.903.685	5.989.153.893	(5.252.676.054)	3.712.381.524
Thuế giá trị gia tăng	226.167.600	21.832.665.608	(20.703.444.785)	1.355.388.423
Thuế thu nhập cá nhân	181.578.708	537.032.712	(674.260.059)	44.351.361
Thuế khác	-	30.743.064	(30.743.064)	-
TỔNG CỘNG	3.383.649.993	28.389.595.277	(26.661.123.962)	5.112.121.308

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thực hiện dịch vụ	3.869.923.459	824.433.255
Thưởng năng suất	2.272.390.106	-
Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp	100.000.000	40.000.000
Khác	69.232.831	57.125.543
TỔNG CỘNG	6.311.546.396	921.558.798

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người lao động	451.698.105	717.398.105
Ký quỹ, ký cược	150.000.000	-
Kinh phí công đoàn	107.850.000	127.500.000
Khác	74.359.000	68.499.134
TỔNG CỘNG	783.907.105	913.397.239

Công ty Cổ phần Transimex Logistics

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VAY

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Phân loại lại	VND Số cuối năm
Vay ngắn hạn	10.060.215.636	21.066.689.413	(31.126.905.049)	8.121.462.964	8.121.462.964
Vay ngân hàng	8.868.222.192	21.066.689.413	(29.934.911.605)	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	1.191.993.444	-	(1.191.993.444)	8.121.462.964	8.121.462.964
Vay dài hạn	2.599.845.899	40.885.003.009	(5.301.641.316)	(8.121.462.964)	30.061.744.628
Vay ngân hàng	2.599.845.899	40.885.003.009	(5.301.641.316)	(8.121.462.964)	30.061.744.628
TỔNG CỘNG	12.660.061.535	61.951.692.422	(36.428.546.365)	-	38.183.207.592

Chi tiết khoản vay dài hạn từ ngân hàng nhằm thanh toán tiền mua tài sản cố định được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Lãi suất %/năm	Kỳ hạn Tháng	Ngày đáo hạn	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam					
Khoản vay 1	13.233.500.000	7,0	60	Từ ngày 25 tháng 2 năm 2025 đến ngày 26 tháng 8 năm 2029	Các xe đầu kéo và xe tải trình bày tại <i>Thuyết minh số 10</i> và bảo lãnh của Công ty Cổ phần Transimex
Khoản vay 2	11.840.000.000	7,5	60	Từ ngày 25 tháng 1 năm 2025 đến ngày 3 tháng 10 năm 2029	
Khoản vay 3	6.264.000.000	7,0	60	Từ ngày 25 tháng 3 năm 2025 đến ngày 12 tháng 6 năm 2029	
Khoản vay 4	4.145.717.590	8,6	60	Từ ngày 25 tháng 2 năm 2025 đến ngày 2 tháng 2 năm 2029	
Khoản vay 5	1.221.250.001	8,6	60	Từ ngày 24 tháng 2 năm 2025 đến ngày 8 tháng 5 năm 2029	
Khoản vay 6	872.073.335	8,6	60	Từ ngày 24 tháng 2 năm 2025 đến ngày 8 tháng 5 năm 2029	
Khoản vay 7	606.666.666	8,6	60	Từ ngày 25 tháng 2 năm 2025 đến ngày 8 tháng 5 năm 2029	
TỔNG CỘNG	38.183.207.592				
Trong đó					
Vay dài hạn đến hạn trả	8.121.462.964				
Vay dài hạn	30.061.744.628				

Công ty Cổ phần Transimex Logistics

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	2.771.040.486	425.591.779
Trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	2.436.079.923
Nhận từ Công ty mẹ	-	2.238.459.180
Sử dụng quỹ trong năm	(2.771.040.486)	(2.329.090.396)
Số cuối năm	-	2.771.040.486

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước				
Số đầu năm	54.950.000.000	-	15.798.206.996	70.748.206.996
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	5.494.860.000	-	(5.494.860.000)	-
Trích lập các quỹ	-	-	(2.436.079.923)	(2.436.079.923)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	22.146.181.115	22.146.181.115
Số cuối năm	60.444.860.000	-	30.013.448.188	90.458.308.188
Năm nay				
Số đầu năm	60.444.860.000	-	30.013.448.188	90.458.308.188
Tăng vốn (*)	23.263.090.000	6.818.927.000	-	30.082.017.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (**)	8.370.470.000	-	(8.370.470.000)	-
Chia cổ tức bằng tiền (**)	-	-	(8.370.795.000)	(8.370.795.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	23.124.604.064	23.124.604.064
Số cuối năm	92.078.420.000	6.818.927.000	36.396.787.252	135.294.134.252

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 04/2023/NQ.ĐHĐCĐ-TMS LOG ngày 25 tháng 3 năm 2023, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 16/NQHĐQT-TOT/2023 ngày 22 tháng 9 năm 2023, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 17/NQHĐQT-TOT/2023 ngày 22 tháng 9 năm 2023, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01/2024/NQ.HĐQT-TOT ngày 9 tháng 1 năm 2024 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 04/2024/NQ.HĐQT-TOT ngày 1 tháng 3 năm 2024, các cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua việc phát hành 2.326.309 cổ phiếu phổ thông cho Công ty Cổ phần Transimex để hoán đổi nợ với tổng giá trị là 30.242.017.000 VND và chi phí phát hành của nghiệp vụ tăng vốn để hoán đổi nợ với số tiền là 160.000.000 VND. Vào ngày 6 tháng 3 năm 2024, Công ty đã nhận được Công văn số 1387/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo đã nhận được báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để hoán đổi nợ. Việc tăng vốn cổ phần của Công ty từ 60.444.860.000 VND lên thành 83.707.950.000 VND cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận bằng việc cấp Giấy CNĐKDN điều chỉnh lần thứ 17 vào ngày 22 tháng 4 năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(**) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 02/2024/NQ.ĐHĐCĐ-TMS LOGS ngày 10 tháng 4 năm 2024, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 11/2024/NQ.HĐQT-TMS LOG ngày 13 tháng 6 năm 2024 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 12/2024/NQ.HĐQT-TMS LOG ngày 13 tháng 6 năm 2024, các cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua việc chi trả cổ tức năm 2023 với tỷ lệ 20% trong đó bao gồm 10% cổ tức bằng tiền và 10% cổ tức bằng cổ phiếu. Theo đó, vào ngày 10 tháng 9 năm 2024, Công ty đã nhận được Công văn số 5756/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo đã nhận được báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. Vào ngày 16 tháng 9 năm 2024, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy CNĐKDN điều chỉnh lần thứ 18 phê duyệt việc tăng vốn cổ phần lên 92.078.420.000 VND. Đồng thời, tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty đã hoàn tất việc chi trả cổ tức bằng tiền.

18.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần		
Số đầu năm	60.444.860.000	54.950.000.000
Tăng trong năm	31.633.560.000	5.494.860.000
Số cuối năm	92.078.420.000	60.444.860.000
Cổ tức		
Cổ tức công bố trong năm	16.741.265.000	5.494.860.000
Cổ tức đã trả trong năm	16.741.265.000	5.494.860.000
Cổ tức bằng cổ phiếu	8.370.470.000	5.494.860.000
Cổ tức bằng tiền	8.370.795.000	-

18.3 Cổ phiếu phổ thông

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Số cổ phiếu	Số cổ phiếu
Cổ phiếu được phép phát hành	9.207.842	6.044.486
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.207.842	6.044.486
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.207.842	6.044.486

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: VND 10.000 (ngày 31 tháng 12 năm 2023: VND 10.000). Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.4 Lãi trên cổ phiếu

Công ty sử dụng các thông tin sau đây để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (VND)	23.124.604.064	22.146.181.115
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi (VND) (*)	-	(2.436.079.923)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	23.124.604.064	19.710.101.192
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu) (**)	8.825.435	6.648.935
Lãi cơ bản (VND)	2.620	2.964
Lãi suy giảm (VND)	2.620	2.964

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2024 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2024 do chưa được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt tại ngày lập báo cáo tài chính này.

(**) Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông cho năm 2023 đã được điều chỉnh lại để phản ánh việc phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 02/2024/NQ.ĐHĐCĐ-TMS LOGS ngày 10 tháng 4 năm 2024 (Thuyết minh số 18.1).

19. DOANH THU THUẦN TỪ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu dịch vụ vận tải	226.817.212.745	230.739.190.722
Doanh thu dịch vụ cho thuê kho bãi	20.779.346.224	11.101.245.810
Doanh thu dịch vụ khác	7.532.965.939	6.588.462.251
DOANH THU THUẦN	255.129.524.908	248.428.898.783
Trong đó:		
Các bên khác	131.535.096.035	86.207.696.054
Các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	123.594.428.873	162.221.202.729

20. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ vận tải	181.521.358.272	182.345.673.396
Giá vốn dịch vụ cho thuê kho bãi	18.505.252.464	11.101.245.810
Khác	3.395.840.421	1.102.792.084
TỔNG CỘNG	203.422.451.157	194.549.711.290

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	1.851.472.023	1.966.053.077
Chi phí khác	4.260.961	36.006.068
TỔNG CỘNG	1.855.732.984	2.002.059.145

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	10.901.052.426	10.795.893.994
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.457.880.417	7.499.481.525
Chi phí khấu hao và hao mòn	828.820.020	828.820.020
Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp	200.000.000	80.000.000
Khác	5.487.386.074	4.772.869.786
TỔNG CỘNG	27.875.138.937	23.977.065.325

23. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	7.481.907.107	58.938.390
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	7.449.367.663	-
Thu nhập khác	32.539.444	58.938.390
Chi phí khác	(309.539.342)	(136.409.329)
Các khoản phạt	(303.384.842)	(32.758.000)
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	-	(103.651.329)
Chi phí khác	(6.154.500)	-
LỢI NHUẬN (LỖ) KHÁC THUẦN	7.172.367.765	(77.470.939)

24. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	116.994.462.258	96.323.576.316
Chi phí nhân viên	51.543.181.806	50.038.966.578
Chi phí nhiên vật liệu	36.104.736.921	51.025.102.876
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 10 và 11)	20.967.823.035	16.286.261.059
Khác	5.765.086.074	4.914.129.786
TỔNG CỘNG	231.375.290.094	218.588.036.615

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế “TNDN”) với thuế suất 20% thu nhập chịu thuế.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

25.1 Chi phí thuế TNDN

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.964.505.368	5.628.027.529
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	24.648.525	-
Chi phí thuế TNDN	5.989.153.893	5.628.027.529

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay	VND Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	29.113.757.957	27.774.208.644
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	5.822.751.591	5.554.841.729
Điều chỉnh:		
Chi phí không được trừ	141.753.777	73.185.800
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	24.648.525	-
Chi phí thuế TNDN	5.989.153.893	5.628.027.529

25.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Transimex	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Trung tâm Phân phối Transimex	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Transimex	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Bất động sản Transimex	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vinafreight	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ Phần Transimex Shipping	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Nippon Express (Việt Nam)	Công ty liên doanh của Công ty mẹ
Công ty Cổ Phần Thủy Đặc Sản	Công ty liên quan của Trường BKS
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Chủ tịch
	(từ ngày 25 tháng 10 năm 2024)
Ông Tôn Thất Hưng	Chủ tịch
	(đến ngày 25 tháng 10 năm 2024)
	Thành viên HĐQT
	(từ ngày 25 tháng 10 năm 2024)
Ông Nguyễn Chí Đức	Thành viên HĐQT
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên HĐQT
	(đến ngày 25 tháng 10 năm 2024)
Ông Trịnh Anh Tuấn	Thành viên HĐQT/Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Thành viên độc lập HĐQT
	(từ ngày 9 tháng 1 năm 2024)
Bà Lê Thị Bích Khuê	Thành viên độc lập HĐQT
	(đến ngày 9 tháng 1 năm 2024)
Ông Phạm Xuân Quang	Trưởng ban BKS
Ông Lê Thanh Tinh	Thành viên BKS
Ông Võ Thành Đồng	Thành viên BKS
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên BKS
	(đến ngày 16 tháng 6 năm 2023)

Giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
			VND
Công ty Cổ phần Transimex	Cung cấp dịch vụ	104.253.196.405	145.016.280.315
	Chi hộ	58.768.176.512	122.492.605.275
	Phát hành cổ phiếu		
	hoán đổi nợ	30.242.024.000	-
	Sử dụng dịch vụ	19.374.982.364	8.010.326.364
	Chi trả cổ tức bằng		
	cổ phiếu	6.888.559.000	4.147.500.000
	Chi trả cổ tức bằng tiền	6.888.559.000	-
	Trả vay	-	26.000.000.000
	Mua tài sản cố định	-	15.962.751.780
	Nhận phân bổ quỹ khen		
	thưởng, phúc lợi	-	2.238.459.180
Công ty Cổ phần Vinafreight	Lãi vay	-	678.273.972
	Cung cấp dịch vụ	3.482.824.083	2.427.375.028
	Chi hộ	507.444.122	559.747.734
	Sử dụng dịch vụ	262.686.404	137.488.042

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

		VND	
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Transimex	Chi hộ	7.687.513.006	15.201.047.108
Công ty Cổ phần Vinafreight	Chi hộ	141.381.643	15.991.740
Công ty Cổ phần Cảng Transimex	Chi hộ	105.936.100	225.136.026
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics	Chi hộ	19.763.610	-
Công ty Liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam	Chi hộ	-	24.797.135
		7.954.594.359	15.466.972.009
Phải thu dài hạn khác			
Công ty TNHH MTV Bất động sản Transimex	Ký quỹ, ký cược	496.707.420	-
Phải trả người bán ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Transimex	Mua nguyên giá tài sản cố định	18.202.908.187	46.204.775.780
	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ từ mua tài sản cố định	1.456.232.655	3.696.382.062
	Sử dụng dịch vụ	6.128.110.578	5.610.081.091
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics	Sử dụng dịch vụ	5.910.601.573	5.360.850.134
Công ty TNHH MTV Trung tâm phân phối Transimex	Sử dụng dịch vụ	121.210.992	145.916.640
Công ty TNHH MTV Bất động sản Transimex	Sử dụng dịch vụ	19.813.334	-
Công ty Cổ phần Vinafreight	Sử dụng dịch vụ	5.510.739	-
		31.844.388.058	61.018.005.707
Chi phí phải trả ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Transimex	Sử dụng dịch vụ	2.932.000.000	551.265.950

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Kiểm soát ("BKS") và tiền lương của Giám đốc trong năm như sau:

			VND
	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Trịnh Anh Tuấn	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	755.652.502	914.366.293
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên HĐQT đến ngày 25 tháng 10 năm 2024	376.615.418	678.180.241
Ông Tôn Thất Hưng	Chủ tịch đến ngày 25 tháng 10 năm 2024	155.555.558	200.000.000
	Thành viên HĐQT từ ngày 25 tháng 10 năm 2024	22.222.222	-
Ông Nguyễn Chí Đức	Thành viên HĐQT	133.333.332	133.333.333
Ông Phạm Xuân Quang	Trưởng ban BKS	133.333.332	133.333.333
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Thành viên độc lập HĐQT từ ngày 9 tháng 1 năm 2024	133.333.333	-
Ông Võ Thành Đồng	Thành viên BKS	93.333.336	93.333.333
Ông Lê Thanh Tinh	Thành viên BKS	93.333.336	54.444.444
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Chủ tịch từ ngày 25 tháng 10 năm 2024	22.222.222	-
Bà Lê Thị Bích Khuê	Thành viên độc lập HĐQT đến ngày 9 tháng 1 năm 2024	-	66.666.667
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên BKS đến ngày 16 tháng 6 năm 2023	-	38.888.889
TỔNG CỘNG		1.918.934.591	2.312.546.533

27. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

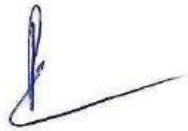
Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	5.278.707.733	6.604.646.462
Từ 1 năm đến 5 năm	13.618.739.902	15.349.508.942
Trên 5 năm	52.383.213.588	55.839.542.446
TỔNG CỘNG	71.280.661.223	77.793.697.850

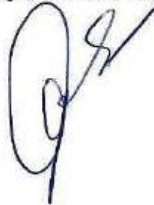
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Phạm Đông Đức
Người lập



Nguyễn Bảo Huy
Kế toán trưởng



Trịnh Anh Tuấn
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 19 tháng 3 năm 2025